

Bản án số: 84/2022/HS-ST
Ngày 20-5-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Nam Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phan Thị Dòn.

Bà Nguyễn Thị Nguyên.

- Thư ký phiên tòa:

+ Tại điểm cầu trung tâm: Bà Ngô Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tại điểm cầu thành phần: Ông Lê Hoàng – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

+ Tại điểm cầu trung tâm: Ông Lại Thế Mạnh – Kiểm sát viên.

+ Tại điểm cầu thành phần: Ông Hoàng Minh Pháp – Kiểm tra viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến:

+ Điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, số 4 đường số 3, khu hành chính Huyện, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Điểm cầu thành phần: Nhà tạm giữ Công an huyện Bình Chánh.

Vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Đặng Văn B (Hiếu), sinh năm 1994 tại Cà Mau; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện U, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đặng Văn Phu E và Lê Thị Bé H; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ và tạm giam từ ngày 28/01/2021;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa, điểm cầu thành phần: Nhà tạm giữ Công an huyện Bình Chánh;

2. Nguyễn Thành X, sinh năm 1986 tại Vĩnh Long; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Thành S © và Âu Thị Phương Th; Bị cáo có vợ và 01 con sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ và tạm giam từ ngày 28/01/2021;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa, điểm cầu thành phần: Nhà tạm giữ Công an huyện Bình Chánh;

* Bị hại: Bà Thái Thị Ngọc H, sinh năm 2000 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: A, xã J, huyện K, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1990 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: X, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm: 1961 (Vắng mặt).

Địa chỉ: L, Phường P, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 01/2021, Đặng Văn B biết tiệm hớt tóc gọi đầu Lan V (gọi tắt là tiệm Lan V y) của chị Thái Thị Ngọc H mới khai trương hoạt động tại địa chỉ E1/5B ấp 5, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh nên B nảy sinh ý định đòi tiền bảo kê của chị H để lấy tiền tiêu xài. Ngày 11/01/2021, B rủ Nguyễn Thành X điều khiển xe mô tô chở B đến tiệm Lan V để đòi tiền bảo kê nhưng không gặp chị H. Tại đây, B xin số điện thoại của chủ tiệm rồi cả hai ra về. Ngày 12/01/2021, B nhờ Nguyễn Hùng Dũng chở đi công việc nhưng không nói cho Dũng biết là đi đâu, làm gì. Lúc đi, B đem theo 01 cục đá, khi xe vừa chạy qua tiệm Lan V khoảng 03 mét thì B kêu Dũng dừng xe lại, B xuống xe đi lại ném cục đá vào cửa kính tiệm Lan V nhưng kính không vỡ, sau đó cả hai ra về. Khoảng 30 phút sau, chị H gọi điện thoại cho B hẹn ngày 13/01/2021 sẽ đưa tiền cho B (BL 97 – 103).

Khoảng 13 giờ ngày 13/01/2021, chị H hẹn gặp B tại ngã tư Quốc Lộ 50 - Nguyễn Văn Linh để đưa tiền. B nhờ Nguyễn Thanh Phát điều khiển xe mô tô chở B ngồi sau dẫn chị H về nhà Phát tại địa chỉ A16/10 G11, ấp 1, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh. Khi về đến nhà, Phát đi vào trong nhà, B đứng ngoài

nói chuyện và yêu cầu chị H đưa 4.000.000 đồng tiền bảo kê tiệm tóc Lan V y, chị H đồng ý. Do không có tiền nên chị H đưa trước cho B 1.300.000 đồng và hẹn 05 ngày sau sẽ đưa hết số tiền còn lại, sau khi lấy tiền của chị H thì B giữ và tiêu xài cá nhân hết, không nói cho Phát biết (BL 324-325).

Ngày 21/01/2021, do chị H chưa đưa đủ số tiền còn lại nên khoảng 21 giờ cùng ngày, B rủ Nguyễn Thanh Phương chở B đi đến tiệm Lan V nhưng không nói cho Phương biết đi thu tiền bảo kê. Sau đó, Phương điều khiển xe mô tô Exciter chở B đến tiệm Lan V thì B ném 01 cục đá vào cửa kính làm vỡ cửa kính của tiệm Lan V rồi cả hai ra về. Khoảng 23 giờ cùng ngày, chị H gọi điện thoại cho B hẹn ngày 22/01/2021 sẽ đưa tiền. Ngày 22/01/2021, chị H gặp và đưa cho B số tiền 800.000 đồng tại quán cà phê Như Quỳnh tại tổ 47, ấp 1A, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh và hẹn ít ngày sau sẽ đưa tiếp số tiền còn lại (BL 97 – 103).

Ngày 27/01/2021, chị H hẹn gặp B để đưa tiền. B kêu X điều khiển xe mô tô Attila biển số 59K1-018.48 chở B đến quán cà phê Như Quỳnh. Tại đây B và X gặp chị H và lấy số tiền 700.000 đồng và hẹn ngày 28/01/2021 sẽ đưa số tiền còn lại. Lấy tiền xong cả hai ra về, B đưa cho X 100.000 đồng, còn B giữ 600.000 đồng và tiêu xài hết (BL 210-223).

Đến 15 giờ 30 phút ngày 28/01/2021, B kêu X điều khiển xe mô tô Attila biển số 59K1-018.48 chở B đến tiệm Lan V để tiếp tục lấy tiền bảo kê, X đồng ý. Khi đến nơi, X đứng trước cửa tiệm chờ, B xuống xe đi lại nhận số tiền 2.000.000 đồng từ chị H và cất số tiền này vào túi quần thì bị Cơ quan Công an kiểm tra, bắt giữ cùng tang vật. Công an xã Phong Phú, lập hồ sơ ban đầu và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh thụ lý (BL 40-42).

Bản kết luận định giá tài sản số 523/KL-HĐĐGTS ngày 11/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Chánh kết luận: 01 tấm kính thủy tinh kích thước 1,2m x 1,5m bị hư hỏng trị giá 376.200 đồng (BL 307-309).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh, Đặng Văn B, Nguyễn Thành X đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên, phù hợp với lời khai của bị hại Thái Thị Ngọc H, người biết việc cùng các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án (BL 97-112, 181-205, 220-246, 324-325).

* Vật chứng thu giữ của Đặng Văn B :

- Số tiền 2.000.000 đồng (gồm 04 tờ tiền, mỗi tờ mệnh giá 500.000 đồng), Cơ quan điều tra Nộp kho bạc Nhà nước tạm giữ chờ xử lý.

- 01 điện thoại di động hiệu Masstel cùng sim, sử dụng liên lạc để cưỡng đoạt tài sản.

- 01 cục đá.

- một số mảnh kính bị vỡ.

* Vật chứng tạm giữ của Nguyễn Thành X:

- 01 xe mô tô Attila biển số 59K1-018.48, qua xác minh xe này do bà Nguyễn Thị Ng (mẹ vợ của bị can X) đăng ký sở hữu và cho X mượn làm phương tiện đi lại. Việc X sử dụng xe làm phương tiện đi cưỡng đoạt tài sản thì bà Nga không biết.

- 01 điện thoại di động hiệu Vitretu cùng sim.

* Đồ vật tạm giữ của Nguyễn Thanh Phương:

- 01 xe mô tô biển số 59N3-230.09, qua xác minh do ông Nguyễn Thanh T (anh ruột của Phương) đăng ký sở hữu và cho Phương mượn để làm phương tiện đi lại.

Tất cả các vật chứng nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đã ra Quyết định chuyển vật chứng đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh chuyển đến chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh tạm giữ chờ xử lý.

Về dân sự: Ngày 12/5/2022, bị hại Thái Thị Ngọc H có đơn xin bãi nại cho các bị cáo, xác nhận đã nhận tiền bồi thường của gia đình các bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 54/CT-VKS ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Đặng Văn B và Nguyễn Thành X về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 170 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 170, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Đặng Văn B từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù và bị cáo Nguyễn Thành X từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, ghi nhận bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại. Về vật chứng:

. Tịch thu sung quỹ nhà nước 2.000.000 đồng.

. Trả xe mô tô Attila biển số 59K1-018.48 cho bà Nguyễn Thị Ng; trả xe mô tô biển số 59N3-230.09 cho ông Nguyễn Thanh T.

. Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Masstel cùng sim và 01 điện thoại di động hiệu Vitretu cùng sim.

. Tịch thu tiêu hủy 01 cục đá và một số mảnh kính bị vỡ.

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Văn B và Nguyễn Thành X khai nhận hành vi như trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tổ tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Chánh,

Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét, bà Nga là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và sự vắng mặt của bà Nga không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo trình tự, thủ tục chung của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Xét thấy lời khai tại phiên tòa của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, vật chứng của vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, đủ cơ sở xác định các bị cáo Đặng Văn B và Nguyễn Thành X đã thực hiện hành vi đe dọa dùng vũ lực và các hành vi khác để uy hiếp tinh thần của bị hại nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Ngày 12/01/2021, B ném cục đá vào cửa kính tiệm Lan V nhưng kính không vỡ. Sau đó chị H gọi điện thoại cho B hẹn ngày 13/01/2021 sẽ đưa tiền cho B.

Ngày 13/01/2021, B nói chuyện và yêu cầu chị H đưa 4.000.000 đồng tiền bảo kê tiệm tóc Lan V y, chị H đồng ý. Do không có tiền nên chị H đưa trước cho B 1.300.000 đồng và hẹn 05 ngày sau sẽ đưa hết số tiền còn lại.

Ngày 21/01/2021, do chị H chưa đưa đủ số tiền còn lại nên B rủ Nguyễn Thanh Phương chở B đi đến tiệm Lan V nhưng không nói cho Phương biết đi thu tiền bảo kê. Sau đó, Phương điều khiển xe mô tô Exciter chở B đến tiệm Lan V thì B ném 01 cục đá vào cửa kính làm vỡ cửa kính của tiệm Lan V rồi cả hai ra về. Khoảng 23 giờ cùng ngày, chị H gọi điện thoại cho B hẹn ngày 22/01/2021 sẽ đưa tiền. Ngày 22/01/2021, chị H gặp và đưa cho B số tiền 800.000 đồng tại quán cà phê Như Quỳnh tại tổ 47, ấp 1A, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh và hẹn ít ngày sau sẽ đưa tiếp số tiền còn lại.

Ngày 27/01/2021, chị H hẹn gặp B để đưa tiền. B kêu X điều khiển xe mô tô Attila biển số 59K1-018.48 chở B đến quán cà phê Như Quỳnh. Tại đây B và X gặp chị H và lấy số tiền 700.000 đồng và hẹn ngày 28/01/2021 sẽ đưa số tiền còn lại. Lấy tiền xong cả hai ra về, B đưa cho X 100.000 đồng, còn B giữ 600.000 đồng và tiêu xài hết.

Đến 15 giờ 30 phút ngày 28/01/2021, B kêu X điều khiển xe mô tô Attila biển số 59K1-018.48 chở B đến tiệm Lan V để tiếp tục lấy tiền bảo kê, X đồng ý. Khi đến nơi, X đứng trước cửa tiệm chờ, B xuống xe đi lại nhận số tiền 2.000.000 đồng từ chị H và cất số tiền này vào túi quần thì bị Cơ quan Công an kiểm tra, bắt giữ cùng tang vật.

Các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, để thực hiện cưỡng đoạt tài sản của bị hại, các bị cáo đã cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội với vai trò khác nhau. Như vậy, hành vi trên của các bị cáo đã cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 170 Bộ Luật hình sự.

Tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể từng người, không có sự câu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn mà không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức theo quy định tại khoản 2 Điều 170 Bộ Luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ Luật hình sự là có căn cứ.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo nhận thức được hành vi đe dọa, uy hiếp tinh thần buộc người khác phải nộp tiền trái với muốn của họ là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố thực hiện tội phạm. Do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một khoản thời gian nhất định để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Các bị cáo đồng phạm trong việc thực hiện hành “Cưỡng đoạt tài sản” nhưng với vai trò, tính chất, mức độ khác nhau. Do đó, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến tính chất, mức độ của hành vi phạm tội từng bị cáo khi lượng hình. Cụ thể như sau:

[4.1] Bị cáo Đặng Văn B là người chủ mưu cầm đầu: có chủ đích đòi tiền bảo kê của chị H để lấy tiền tiêu xài, là người trực tiếp đe dọa và thực hiện hành vi uy hiếp tinh thần của bị hại để cưỡng đoạt tài sản, thực hiện hành vi chiếm đoạt 4 lần. H lợi bất chính với số tiền là 2.700.000 đồng trên tổng số tiền cưỡng đoạt được của bị hại là 2.800.000 đồng. Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử sẽ xem xét đến tính chất, mức độ hành vi trên của bị cáo B mà có mức hình phạt tương xứng.

[4.2] Bị cáo Nguyễn Thành X là người tham gia vụ án với vai trò thứ yếu: là người giúp sức khi 02 lần chở bị cáo B đi nhận tiền của bị hại, được chia số tiền bất chính là 100.000 đồng trên tổng số tiền cưỡng đoạt được của bị hại là 2.800.000 đồng. Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử sẽ xem xét đến tính chất, mức độ hành vi trên của bị cáo X mà có mức hình phạt nhẹ hơn so với bị cáo B.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phạm tội từ 02 lần trở lên quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình các bị cáo đã bồi thường thiệt hại; bị hại xin bãi nại đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự nên được áp

dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: đối với tội “Cưỡng đoạt tài sản” các bị cáo còn có thể bị phạt tiền theo khoản 5 điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, nhưng xét thấy hoàn cảnh kinh tế gia đình các bị cáo khó khăn, các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Đối với hành vi của Đặng Văn B ném đá làm vỡ kính gây thiệt hại tài sản trị giá 376.200 đồng, qua xác minh B chưa có tiền án, tiền sự về hành vi hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản nên hành vi của B không cấu thành tội “Hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản” nên Cơ quan điều tra không xử lý là có cơ sở nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với Nguyễn Thanh Phát, Nguyễn Thanh Phương, Nguyễn Hùng Dũng là những người chở B đến tiệm hớt tóc gọi đầu Lan V nhưng không biết mục đích của B đi cưỡng đoạt tài sản, không giúp sức và không được H lợi ích gì từ B và X nên Cơ quan điều tra không xử lý là có cơ sở nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về vật chứng vụ án:

- Số tiền 2.000.000 đồng (gồm 04 tờ tiền, mỗi tờ mệnh giá 500.000 đồng), Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo B. Xét đây là số tiền các bị cáo cưỡng đoạt được của bị hại (bị hại đã nhận đủ tiền bồi thường của gia đình các bị cáo) do đó cần tịch thu số tiền này nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 cục đá và một số mảnh kính bị vỡ. Xét đây là công cụ các bị cáo dùng để phạm tội và vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 điện thoại di động hiệu Masstel (số IMEI1: 352116896590542, số IMEI2: 352116896590559) có gắn sim số 0702958092, bị cáo B sử dụng để liên lạc hẹn nhau đi cưỡng đoạt tài sản nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 điện thoại di động hiệu Vitretu (không rõ số IMEI) bị cáo X sử dụng để liên lạc hẹn nhau đi cưỡng đoạt tài sản nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 xe mô tô Attila biển số 59K1-018.48 (SK: RLGKA12GĐA060373, SM: VMVTBAD060373), qua xác minh xe này do bà Nguyễn Thị Ng (mẹ vợ của bị can X) đăng ký sở hữu và cho X mượn làm phương tiện đi lại. Việc X sử dụng xe làm phương tiện đi cưỡng đoạt tài sản thì bà Nga không biết. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự trả lại chiếc xe trên cho chủ sở hữu bà Nguyễn Thị Ng.

- 01 xe mô tô biển số 59N3-230.09 (SK: RLCUG1010KY154480, SM: G3D4E921156), qua xác minh do ông Nguyễn Thanh T (anh ruột của Phương) đăng ký sở hữu và cho Phương mượn để làm phương tiện đi lại. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự trả lại chiếc xe trên cho chủ sở hữu ông Nguyễn Thanh T.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận tiền bồi thường, làm đơn bãi nại và không yêu cầu khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: các bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với bị cáo B cũng như giải quyết phần dân sự và xử lý vật chứng và chấp nhận đề nghị của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Riêng đối với đề nghị về mức hình phạt đối với bị cáo X từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù là quá nặng so với vai trò, mức độ hành vi của bị cáo nên Hội đồng xét xử xử thấp hơn mức đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Đặng Văn B và Nguyễn Thành X cùng phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn B 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/01/2021.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành X 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/01/2021.

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: Số tiền 2.000.000 đồng (gồm 04 tờ tiền, mỗi tờ mệnh giá 500.000 đồng); 01 điện thoại di động hiệu Masstel (số IMEI1: 352116896590542, số IMEI2: 352116896590559) có gắn sim số 0702958092; 01 điện thoại di động hiệu Vitretu (không rõ số IMEI).

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 cục đá và một số mảnh kính bị vỡ.

- Trả lại cho chủ sở hữu bà Nguyễn Thị Ng 01 xe mô tô Attila biển số 59K1-018.48 (SK: RLGKA12GĐA060373, SM: VMVTBAD060373).

- Trả lại cho chủ sở hữu ông Nguyễn Thanh T 01 xe mô tô biển số 59N3-230.09 (SK: RLCUG1010KY154480, SM: G3D4E921156).

(Các vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh đang tạm giữ theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 29/4/2022 giữa Công an huyện Bình Chánh và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh)

3. Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với phần nội dung bản án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Bình Chánh;
- Công an H. Bình Chánh;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Bình Chánh;
- PC 53- Công an TP.HCM;
- Sở tư pháp TP.HCM;
- Bị cáo;
- Bị hại, Đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tạ Nam Phương